

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1285/2026/HNST ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Tố L, sinh ngày 13/12/1991,

Căn cước công dân số 060191xxxx69 cấp ngày 11/8/2022

Địa chỉ: Số 70 M, Khu phố X, Phường B, Thành phố H;

2. Ông Lê Khanh N, sinh ngày 08/4/1989,

Căn cước công dân số: 083089xxxx26 cấp ngày 26/12/2022

Địa chỉ: Số 70 M, Khu phố X, Phường B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tố L và ông Lê Khanh N thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà L và ông N ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông N.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tố L và ông Lê Khanh N khai không có.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tố L và ông Lê Khanh N thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 19/8/2019 của Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố B, tỉnh B (nay là phường P, tỉnh V) chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tố L và ông Lê Khanh N khai không có.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Tố L và ông Lê Khanh N nộp nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003629 ngày 16/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông N đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- UBND phường P, tỉnh V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N